

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức;
2. Bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 499/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 03/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thanh L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 242, tổ 8, ấp TH C, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 13, tổ 01, ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh Ph vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh L trình bày: Vào khoảng năm 2015, chị L và anh Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị L và anh Ph về sống chung gia đình anh Ph tại địa chỉ ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG.

Đến đầu năm 2018, chị L và anh Ph về sống chung gia đình cha mẹ ruột chị L tại ấp TH C, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Quá trình chung sống, chị L và anh Ph bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế, hai vợ chồng hai cái vã nhau nên anh Ph về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống, chị L và anh Ph có 01 (một) con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016. Chị L yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, chị L cung cấp cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của em Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016; Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã VH và xã TA, thị xã TC về việc chị L và anh Ph không đăng ký kết hôn tại UBND xã VH và xã TA, thị xã TC; Đơn xin xác nhận về điều kiện nuôi cháu Lê Nhật Ph tại Ban ấp TH C, xã TA và Hội liên hiệp phụ nữ xã TA. Ban ấp xác nhận chị L có cuộc sống và kinh tế hàng ngày đủ điều kiện nuôi con Ph triển tốt. Hội liên hiệp phụ nữ xã Tân An thống nhất với đơn xin xác nhận về điều kiện nuôi con của chị L ngày 13/8/2019.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 434/TB-TLVA ngày 15/7/2019 cho anh Lê Văn Ph thông qua người thân chị Lê Thị Trúc X (em ruột anh Ph) nhận thay và chị Lê Thị Hồng G (em ruột anh Ph) xác nhận anh Ph đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án nêu trên và biết việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ph tại Tòa án nhân dân thị xã TC nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh Ph đối với yêu cầu của chị L và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh Ph gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung nhưng anh Ph vắng mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Ph. Về con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản lấy lời khai của chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG (em ruột anh Ph); Xác minh tình trạng cư trú và tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị L và anh Ph tại ban ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG; Ban ấp TH C, xã TA, thị xã TC; Xác minh tình trạng cư trú của anh Ph tại Công an xã VH, thị xã TC. Cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Hồng G cho biết: Chị G là em ruột của anh Lê Văn Ph. Hiện tại, anh Ph đi làm ở CPC và thường hay về địa phương. Anh Ph biết việc chị L khởi đơn kiện yêu cầu ly hôn với anh Ph tại Tòa án nhân dân thị xã TC và anh Ph đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải nhưng anh Ph không đến Tòa án.

Ngoài ra, chị G cho biết, anh Ph và chị L tự tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 06, 07 năm, đến năm 2015 được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới. Sau khi làm lễ cưới, anh Ph và chị L sống chung gia đình tại ấp VT A, xã VH, thị xã TC, AG. Năm 2017, chị L đi làm ở thành phố HCM, anh Ph vẫn sinh sống tại địa phương. Đến năm 2018, anh Ph và chị L về sinh sống với gia đình tại nhà chị L ấp TH C, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Đầu năm 2019, anh Ph về sống với gia đình tại ấp VT A, xã VH, thị xã TC, AG, chị L không về sống chung cùng anh Ph. Quá trình chung sống của anh Ph và chị L có Ph sinh mâu thuẫn hay không thì chị G không biết. Anh Ph và chị L không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, anh Ph và chị L có 01 (một) con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016, con chung hiện do chị L nuôi dạy, thỉnh thoảng gia đình anh Ph có rước cháu về nhà chăm sóc và chị L đồng ý, chị L chăm sóc cháu tốt. Về tài sản chung và nợ chung của anh Ph và chị L thì chị G không biết.

Ban ấp VT A, xã VH cho biết: Chị L và anh Ph tổ chức lễ cưới vào khoảng cuối năm 2015. Sau khi làm lễ cưới, anh Ph và chị L chung sống tại ấp VT A, xã VH, thị xã TC được một thời gian. Sau đó, anh Ph và chị L sinh sống tại ấp TH C, xã TA, thị xã TC. Thời gian anh Ph và chị L chung sống tại địa phương hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, anh Ph về sống tại địa phương nhưng chị L không sinh sống cùng anh Ph.

Thời gian chung sống, anh Ph và chị L có một con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016, cháu Ph hiện do chị L trực tiếp nuôi dạy. Thỉnh thoảng gia đình anh Ph có rước cháu Ph về nhà chăm sóc và chị L đồng ý, giữa hai bên gia đình không có tranh chấp hay mâu thuẫn về việc nuôi dạy cháu Ph.

Công an xã VH, thị xã TC cung cấp: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Hiện tại, anh Ph đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Gia đình anh Lê Văn Ph thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Ban ấp TH C, xã TA cung cấp: Chị L có chồng là anh Ph. Sau khi cưới nhau, chị L và anh Ph thường xuyên sinh sống tại nhà anh Ph. Đến đầu năm 2018, chị L về địa phương sinh sống cho đến nay. Anh Ph cũng thường hay đến thăm chị L và con của chị L. Nhưng thời gian gần đây, không thấy anh Ph đến thăm chị L và gia đình.

Trong thời gian chung sống, chị L và anh Ph có một con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016. Hiện con chung do chị L nuôi dạy. Cháu Ph được gia đình L nuôi dạy tốt.

Chị L làm thợ uốn tóc, nhà có mở tiệm tóc, thu nhập ổn định từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày đủ khả năng nuôi dạy con chung. Chị L và gia đình thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Nhà nước. Gia đình L và L có cuộc sống lành mạnh, không vướng vào các tệ nạn xã hội

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị L và anh Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không đăng ký kết hôn. Năm 2019, Ph sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Quá trình chung sống chị L và anh Ph không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung, cháu Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016 hiện đang sống với chị L, chị L có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh L và anh Lê Văn Ph là vợ chồng.

Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016; anh Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phan Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Ph. Anh Ph có nơi cư trú tại khu vực ấp VT A, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Văn Ph được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị L và anh Ph yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, chị L và anh Ph phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, chị L và anh Ph sống xa nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay.

Theo kết quả xác nhận ngày 13/8/2019 của UBND xã VH và ngày 14/8/2019 của UBND xã TA, thị xã TC, tỉnh AG: Chị L và anh Ph không đăng ký kết hôn tại UBND xã VH hoặc UBND xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Phan Thị Thanh L và anh Lê Văn Ph có tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2015, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị L và anh Ph là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh ban ấp VT A, xã VH, biên bản xác minh ban ấp TH C, xã TA, thị xã TC và biên bản ghi lời khai chị G (em ruột anh Ph) và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, anh Ph và chị L có 01 (một) con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2019.

Theo biên bản xác minh ban ấp VT A, xã VH, chị L đang trực tiếp nuôi dạy cháu Ph. Thỉnh thoảng gia đình anh Ph có rước cháu Ph về nhà chăm sóc và chị L đồng ý, giữa hai bên gia đình không có tranh chấp hay mâu thuẫn về việc nuôi dạy cháu Ph.

Biên bản xác minh ban ấp TH C, xã TA, chị L hiện đang trực tiếp nuôi dạy cháu Ph. Chị L làm thợ uốn tóc, nhà có mở tiệm tóc, thu nhập ổn định từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày đủ khả năng nuôi dạy con chung. Chị L và gia đình thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Nhà nước. Gia đình L và L có cuộc sống lành mạnh, không vướng vào các tệ nạn xã hội.

Biên bản xác minh em Lê Thị Hồng G, cháu Ph hiện do chị L trực tiếp nuôi dạy, thỉnh thoảng gia đình anh Ph có rước cháu về nhà chăm sóc và chị L đồng ý, chị L chăm sóc cháu tốt.

Chị L yêu cầu được nuôi dạy con chung con chung tên Lê Nhật Ph, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 23/10/2019), cháu Lê Nhật Ph 36 tháng 07 ngày tuổi, chị L trực tiếp nuôi cháu Ph từ nhỏ và cháu Ph được L chăm sóc tốt, chị L có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dạy cháu Ph. Hội đồng xét xử, giao cháu Ph cho chị L được tiếp tục nuôi dạy, anh Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp. Anh Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Thanh L và anh Lê Văn Ph là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phan Thị Thanh L được nuôi dạy cháu Lê Nhật Ph, sinh ngày 16/10/2016, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Thanh L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn Ph trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị Thanh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002077 ngày

15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC; Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Ph là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết